|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ**TỔ: LỊC SỬ - ĐỊA LÍ - GDCD | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2021 – 2022****MÔN: LỊCH SỬ - KHỐI 12***Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Số CH****trắc nghiệm** | **Thời gian (phút)** |
| **Số** **câu hỏi** | **Số** **câu hỏi** | **Số** **câu hỏi** | **Số** **câu hỏi** |
| **1** | **Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975.** | **Bài 21:** Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965). | 3 | 2 | 2 | 1 | **8** |  | **20** |
| **Bài 22:** Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 – 1973). | 3 | 2 | 2 | 1 | **8** | **20** |
| **Bài 23:** Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 – 1975). | 3 | 2 | 2 | 1 | **8** | **20** |
| **2** | **Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000.** | **Bài 24:** Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975. | 3 | 2 | 1 |  | **6** | **15** |
| **Bài 25:** Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 – 1986). | 2 |  |  |  | **2** | **5** |
| **Bài 26:** Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 – 2000). | 2 | 2 | 1 | 1 | **6** | **15** |
| **3** | **Tổng kết lịch sử Việt Nam.**  | **Bài 27:** Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000. |  | 2 |  |  | **2** | **5** |
| **Tổng** |  | **16** | **12** | **8** | **4** | **40** | **45** |  |
| **Tỉ lệ (%)** |  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** |  | **70** | **30** |  |  | **100** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị****kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng****cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975** | **Bài 21:** Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965) | **Nhận biết:**- Nêu được tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ 1954.- Nêu được nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).- Nêu được các đặc điểm của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ. | **3** |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**- Hiểu được yêu cầu cách mạng đối với nhân dân miền Bắc. - Chỉ ra được nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, cách mạng mỗi miền và mối quan hệ giữa nhiệm vụ của hai miền.- Trình bày được kết quả trong chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của quân dân Việt Nam (phá “ấp chiến lược”, chiến thắng Ấp Bắc). |  | **2** |  |  |  |
| **Vận dụng:**- Phân tích được ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).- Phân tích được ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” và sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam; ý nghĩa của các thắng lợi trong chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt”: chiến thắng Ấp Bắc. |  |  | **2** |  |  |
| **Vận dụng cao:** - Nhận xét được nhiệm vụ, tác động của cách mạng cả nước, của mỗi miền và mối quan hệ gắn bó của cách mạng hai miền Nam - Bắc. - Từ kì họp của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960), rút ra bài học cho công cuộc đổi mới đất nước; cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |  |  |  | **1** |  |
| **Bài 22:** Hai miền đất nước trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973) | **Nhận biết:**- Nêu được những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam (Vạn Tường, Mậu Thân,…).- Nêu được những thành tích trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ lần thứ hai.- Nêu được những thắng lợi về chính trị và ngoại giao của nhân dân Việt Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.- Nêu được ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược năm 1972.- Nêu được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973.  | **3** |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**- Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.- Trình bày được ý nghĩa của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) năm 1965.- Trình bày được ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968).- Hiểu được ý nghĩa của sự kiện: Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời.- Hiểu được ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973. |  | **2** |  |  |  |
| **Vận dụng:**- Phân tích được ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” và sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam; phân tích được ý nghĩa Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.- Phân tích được nguyên nhân Mĩ phải thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.- Phân tích được vai trò, ý nghĩa của hậu phương miền Bắc với cách mạng miền Nam và ý nghĩa của trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.- Nêu (rút ra) được đặc điểm chính của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mĩ (1969 - 1972).  |  |  | **2** |  |  |
| **Vận dụng cao:**- Nhận xét được mối quan hệ, tác động qua lại, ảnh hưởng của cách mạng hai miền Nam - Bắc.- Rút ra được vai trò của hậu phương miền Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975). |  |  |  | **1** |  |
| **Bài 23:** Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975) | **Nhận biết:**- Nêu được bối cảnh và chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam. - Nêu được ý nghĩa của các chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.- Nêu được ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954-1975). | **3** |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**- Hiểu được tại sao Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm, sự điều chỉnh kịp thời.- Hiểu được lí do Đảng chọn Tây Nguyên là địa bàn tấn công đầu tiên…- Trình bày được diễn biến chính của những chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975: Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.  |  | **2** |  |  |  |
| **Vận dụng:**- Phân tích được ý nghĩa của các chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.- Phân tích được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. |  |  | **2** |  |  |
| **Vận dụng cao:**- Nhận xét được/đánh giá được vai trò lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Rút ra bài học cho công cuộc đổi mới đất nước; cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |  |  |  | **1** |  |
| **2** | **Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000** | **Bài 24:** Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975. | **Nhận biết:**- Nêu được bối cảnh lịch sử của nước ta sau Đại thắng Xuân năm 1975.- Nêu được diễn biến quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước- Nêu được diễn biến, nội dung cơ bản của kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (tháng 6, 7 - 1976). | **3** |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:****-** Hiểu được ý nghĩa của kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (tháng 6, 7 - 1976); ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.- Hiểu được nhiệm vụ cấp bách của cách mạng Việt Nam sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. |  | **2** |  |  |  |
| **Vận dụng:**- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975.- Phân tích được ý nghĩa của kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (tháng 6, 7 - 1976).- So sánh Quốc hội khoá VI với Quốc hội khoá I. |  |  | **1** |  |  |
| **Bài 25:** Xây dựng CNXH và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1986) | **Nhận biết:**- Trình bày các cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới, kết quả chủ yếu của công cuộc bảo vệ biên giới Tây - Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc. | **2** |  |  |  |  |
| **Bài 26:** Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000) | **Nhận biết:**- Nêu được những thành tựu và những yếu kém của hơn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.- Nêu được hoàn cảnh lịch sử dẫn đến việc đề ra chủ trương đổi mới đất nước.- Nêu được những điểm chủ yếu trong đường lối đổi mới của Đảng về kinh tế, chính trị. | **2** |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**- Xác định được những nội dung chủ yếu trong đường lối đổi mới của Đảng về kinh tế, chính trị.- Hiểu được yêu cầu tất yếu của việc đề ra chủ trương đổi mới đất nước.- Hiểu được ý nghĩa của những thành tựu trong 5 năm đầu thực hiện đổi mới đất nước (1986 - 1990). |  | **2** |  |  |  |
|  |  |  | **Vận dụng:**- Phân tích (được) sự đúng đắn trong nội dung đường lối đổi mới của Đảng.- So sánh công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam (1986) với công cuộc cải tổ ở Liên Xô (1985), cải cách – mở cửa ở Trung Quốc (1978). |  |  | **1** |  |  |
|  |  |  | **Vận dụng cao:****-** Rút ra được bài học kinh nghiệm cho công cuộc đổi mới đất nước. |  |  |  | **1** |  |
| **3** | **Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay** | **Bài 27:** Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay | **Thông hiểu:**Hiểu được những nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay: - Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).- Cách mạng tháng Tám năm 1945.- Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954).- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.- Công cuộc đổi mới đất nước (1986 - nay). |  | **2** |  |  |  |
| **Tổng** |  | **16** | **12** | **8** | **4** | **40** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** |  | **40** | **30** | **20** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** |  | **70** | **30** | **100** |